

Số: 16/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 25 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Kiều Thị Uyên.

Thư ký phiên họp: ông Phạm Anh Ly - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 43/2024/TLST-VLĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 08/2024/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:** Bà Trần Thị Kiều M, sinh năm: sinh năm 1990; thường trú: Ấp Q, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trần Thị Phượng L, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp mới, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty Cổ phần Đ; Địa chỉ: Số E X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu bà Trần Thị Kiều M trình bày:

Từ tháng 01/2008 đến tháng 05/2012, bà Kiều M làm việc tại Công ty Cổ phần C, địa chỉ: Lô C, đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7408 296 263. Đến năm 2024, bà Kiều M tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà Kiều M bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: là do em gái bà Kiều M tên Trần Thị Phượng L sử dụng thông tin của bà Kiều M để giao kết Hợp đồng lao động với Công Ty Cổ phần Đ khoảng từ 08/2008 đến tháng 01/2012. Đồng thời gian đó, bà Kiều M giao kết hợp

đồng lao động với Công ty Cổ phần C (Lô C, đường số B, khu công nghiệp T, phường T, thành phố D, Tỉnh Bình Dương) đến khoảng tháng 5 năm 2014 thì bà Kiều M nghỉ việc. Sau đó bà Kiều M xin làm việc tại Công ty TNHH E đến tháng 5/2021 thì xin nghỉ việc, hiện nay chưa đi làm tại công ty nào khác.

Do đó, bà Kiều M bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 08/2008 đến tháng 01/2012 tương đương với thời gian em gái Trần Thị P Liên mượn hồ sơ lao động của bà Kiều M.

Vào thời điểm năm 2008, em gái bà Kiều M chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà Kiều M và em Trần Thị Phụng L là chị em ruột với nhau nên mới hỗ trợ em gái mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì chúng bà Kiều M không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, bà Kiều M có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động từ tháng 08/2008 đến tháng 01/2012 giữa bà Trần Thị Kiều M và Công Ty Cổ phần Đ vô hiệu

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công Ty Cổ phần Đ do ông Trương Hữu M1 là đại diện hợp pháp của trình bày:

Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Do người lao động tại công ty rất đông, Công ty căn cứ hồ sơ hợp lệ của người lao động để ký hợp đồng theo quy định. Ngoài ra Công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì Công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định.

Theo các dữ liệu được lưu trữ trên dữ liệu máy tính của Công ty Cổ Phần Đ thì vào **tháng 06/2008** Công ty có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động với bà Trần Thị Kiều M, sinh năm 1990; thường trú: xã P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Số CMND 365898923 do Công an tỉnh S cấp ngày 10/6/2008). Bà M làm việc với vai trò là công nhân. Thời gian làm việc của bà Trần Thị Kiều M theo như quy định của nội quy lao động công ty. Đến **tháng 02/2012** bà M nghỉ việc tại Công ty cho đến nay và Công ty **đã chốt sổ bảo hiểm** cho bà M2.

Tòa án yêu cầu Công ty cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan người lao động Trần Thị Kiều M, tuy nhiên vì thời gian người lao động này nghỉ việc đã hơn 5 năm nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ của bà M2, chỉ còn dữ liệu trên máy tính.

Nay người lao động cho rằng có sự việc bà Trần Thị Kiều M cho em bà M là bà Trần Thị Phụng L sử dụng thông tin của bà M2 để ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà M để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ Phần Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc bà M yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Kiều M (do người khác giả mạo tên) với Công ty Cổ Phần Đ thì Công ty đồng ý với yêu cầu của bà M.

Đối với các chế độ của bà M2 sau khi nghỉ việc, Công ty đã giải quyết đầy đủ cho bà M vì vậy Công ty Cổ Phần Đ không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty cổ phần Đ cho người lao động thì Công ty cổ phần Đ có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Trần Thị Kiều M, sinh ngày 25/05/1990, số CMND 365898923 (CCCD 094190013190), với mã số BHXH 7408223075 từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2012 đã nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Trần Thị Kiều M, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Ngoài ra bà Kiều M còn có mã số 7408296263 tham gia BHXH từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2011 tại Công ty cổ phần G và từ tháng 01/2012 đến tháng 03/2014 tại chi nhánh Công ty cổ phần C và từ tháng 6/2014 đến tháng 4/2021 tại Công ty TNHH E

Về các yêu cầu khác của bà Trần Thị Kiều M phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Phượng L trình bày:

Bà L là em gái của bà Kiều M, vào thời điểm năm 2008 bà L chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết về mặt pháp luật nên bà L đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của chị bà L là bà Trần Thị Kiều M để làm hồ sơ lao động.

Bà L đã mượn thông tin cá nhân của bà Kiều M và đã làm việc tại Công ty cổ phần Đ khoảng từ 8/2008 đến tháng 01/2012.

Nay, đối với yêu cầu của bà Trần Thị Kiều M về việc Tuyên Hợp đồng lao động từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2012 giữa bà Trần Thị Kiều M và Công ty cổ phần Đ vô hiệu thì bà L đồng ý.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Kiều M, bà L, Bảo hiểm xã Hội thành phố D và đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2012, người lao động tên Trần Thị Kiều M, sinh ngày 25/05/1990, số CMND 365898923 (CCCD 094190013190) được Công ty cổ

phần Đ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là BHXH 7408223075. Quan hệ lao động giữa Công ty cổ phần Đ và bà Trần Thị Kiều M phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 8/2008. Tuy nhiên, bà Trần Thị Kiều M và bà Trần Thị Phượng L thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần Đ và thực tế làm việc tại Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 01/2012 theo hợp đồng lao động là bà Trần Thị Phượng L, không phải bà Trần Thị Kiều M do bà L mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà Kiều M để đi làm việc. Đối với bà M trong thời gian này cũng có thời gian đang thực tế làm việc tại Công ty cổ phần G và Chi nhánh Công ty cổ phần C. Mục đích mượn giấy tờ là để bà L có việc làm do thời gian này bà L chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của bà Kiều M và bà L phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2011 và tháng 01/2012 bà Trần Thị Kiều M có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty cổ phần G và Chi nhánh Công ty cổ phần C. Xét thấy việc bà L lấy tên bà Kiều M để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Trần Thị Kiều M yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2012 giữa bà Trần Thị Kiều M (do bà Trần Thị P Liên mượn tên) với Công ty cổ phần Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trần Thị Kiều M bị trùng từ tháng 08/2008 đến tháng 01/2012. Do đó, bà Kiều M yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty cổ phần Đ với bà Kiều M (do bà L sử dụng thông tin của bà Kiều M để ký) từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2012 có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: bà Trần Thị Kiều M phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trần Thị Kiều M.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Kiều M, Trần Thị Kiều M, sinh ngày 25/05/1990, số CMND 365898923 (CCCD 094190013190); địa chỉ liên hệ: Ấp Q, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (do bà Trần Thị Phượng L ký kết) với Công ty cổ phần Đ từ tháng 8/2008 đến tháng 01/2012 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Trần Thị Kiều M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0004529 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án (02).

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Kiều Thị Uyên